

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 12-12-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á
2. Bà Trương Thị Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Ngô M, sinh năm 1949
bà Dương Thị S, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn TX, xã H, huyện H, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Ngô M: Bà Dương Thị S, sinh năm 1953, địa chỉ: Thôn TX, xã H, huyện H, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô M (Giấy ủy quyền ngày 12/10/2019)

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Bùi Quang T, sinh năm 1965 (có mặt)
bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Trong năm 2012, vợ chồng ông M bà S cho vợ chồng ông T bà L vay ba lần với tổng số là 09 chỉ vàng y (vàng 18K); đến lần vay thứ ba, ông T viết giấy vay vàng và ký tên. Từ đó đến nay, vợ chồng ông T bà L chỉ trả được 0.5 chỉ vàng còn lại 8.5 chỉ chưa trả. Nay ông M bà S yêu cầu ông T bà L trả cho ông bà 8.5 chỉ vàng 18K và không có yêu cầu gì khác.

- Theo Bản tự khai, lời trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Cách đây khoảng trên 20 năm, ông bà có vay của vợ chồng ông M bà S 04 chỉ vàng 24K và 2.000.000 đồng. Sau đó, đã trả dần cho ông M bà S, hiện không còn nợ gì của ông M bà S nữa. Còn về giấy vay vàng với số lượng 09 chỉ vàng y là do bà S qua than khóc với ông bà rằng bị ông M đánh đập, chửi bới liên quan đến việc không còn tiền vàng nên muốn vợ chồng ông bà ghi giấy vay 09 chỉ vàng để ông M không đánh bà S nữa. Vì là chị em họ và cũng đã có mượn vàng, tiền của bà S nên ông T viết giấy vay 09 chỉ vàng y mục đích để ông M không đánh chửi bà S. Sau này, ông bà có đòi lại giấy vay này thì bà S nói ông M đã vứt rồi, vì tin tưởng nên ông bà không đòi nữa. Số vàng và tiền vàng vay đã trả hết và giấy vay vàng số lượng 09 chỉ vàng y là viết chứ không vay, ông bà cũng không có lúc nào trả 0.5 chỉ vàng cả nên không chấp nhận yêu cầu của ông M bà S buộc ông bà phải trả 8.5 chỉ vàng 18K.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 8.5 chỉ vàng 18K; bị đơn là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Qua xem xét “Giấy vay vàng” viết tay, có nội dung ông Bùi Quang T và vợ Nguyễn Thị L vay của vợ chồng bà Dương Thị S 09 chỉ vàng y; thấy rằng, đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Ông T bà L thừa nhận “Giấy vay vàng” viết tay này là do ông T viết và ghi tên Bùi Quang T. Tuy nhiên, ông T bà L cho rằng mục đích viết “Giấy vay vàng” là do bà S nhờ ghi chứ thực tế không vay vàng. Ý kiến này của ông T bà L không được ông M bà S chấp nhận và ông T bà L cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh

việc viết giấy nhưng không vay vàng là đúng sự thật. Ông T bà L đều biết về giấy vay vàng này và đều thống nhất thừa nhận là đồng ý viết cho bà S và do ông T viết nên căn cứ vào nội dung “Giấy vay vàng” có đủ cơ sở để xác định ông Bùi Quang T và bà Nguyễn Thị L có vay của vợ chồng ông Ngô M bà Dương Thị S 09 chỉ vàng y là đúng sự thật và phù hợp với lời khai của ông M bà S.

[2] Ông T bà L đã thỏa thuận vay tài sản là 09 chỉ vàng y với vợ chồng ông M bà S thì phải có nghĩa vụ trả nợ cho bên cho vay khi bên cho vay đòi lại tài sản. Ông T bà L cho rằng không có lúc nào trả cho vợ chồng bà S số lượng 0.5 chỉ vàng nhưng ông bà không chứng minh được lời khai của mình là đúng sự thật và ông bà cũng không chứng minh được mình không còn nợ vàng của ông M bà S. Vì vậy, xác định ông T bà L còn nợ ông M bà S số vàng 8.5 chỉ theo yêu cầu của ông M bà S là phù hợp.

[3] Loại vàng mà các bên giao dịch trong hợp đồng vay tài sản là vàng y và các bên không thống nhất được với nhau về chỉ số K của vàng y. Tuy nhiên, bà S xác định vàng y là vàng 18K và chỉ yêu cầu ông T bà L trả vàng 18K. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định ông T bà L có vay vàng của ông M bà S và hiện còn nợ 8.5 chỉ vàng 18K. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M bà S, buộc ông T bà L phải trả cho ông M bà S 8.5 chỉ vàng 18K.

[5] Ông T bà L khai rằng, trước đây có vay của ông M bà S 04 chỉ vàng 24K và số tiền 2.000.000 đồng nhưng đã trả đủ. Ngoài ra, ông bà còn cho rằng thời gian viết “Giấy vay vàng” không phải năm 2012 như ông M bà S khai. Thấy rằng, việc bị đơn khai nhận trước đây có vay tiền, vàng của nguyên đơn không liên quan đến nội dung yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án này và việc không thống nhất về thời gian viết “Giấy vay vàng” cũng không làm thay đổi nội dung hợp đồng vay tài sản giữa các bên và nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T bà L là cá nhân thuộc hộ nghèo, có Giấy chứng nhận hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí nên theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn ông T bà L được miễn nộp án phí.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho

nguyên đơn 8.5 chỉ vàng 18K và bị đơn được miễn nộp án phí là phù hợp, đúng theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Ngô M bà Dương Thị S. Buộc vợ chồng ông Bùi Quang T bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Ngô M bà Dương Thị S 8,5 (tám phẩy năm) chỉ vàng 18K.

2/ Về án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Bùi Quang T bà Nguyễn Thị L được miễn nộp án phí.

3/ Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng